



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

-----o0o-----

Số: *03* /NQ2016 – ĐHCĐ- NS3.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội;
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 04 năm 2016 của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015 và Kế hoạch SXKD năm 2016.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và định hướng công tác quản trị, điều hành năm 2016.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Điều 5: Thông qua Tờ trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch năm 2016.

1. Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2015

- Thực hiện cấp nước & tỷ lệ nước thu được tiền:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	KH theo nghị quyết ĐHCĐ2015	TH 8 tháng (1/1 – 31/8/2015)	TH 4 tháng (1/9 – 31/12/2015)	TH 2015	% TH so với NQ ĐHCĐ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6= 4+5	7= 6/3
1	Nước SX	m ³	3.212.000	2.220.260	1.061.945	3.282.205	102,19



2	Mua nước từ CT mẹ	m ³	14.597.868	9.452.212	4.830.744	14.282.959	97,84
3	Tổng nguồn cấp	m ³	17.809.868	11.672.475	5.892.689	17.565.164	98,63
4	Tỷ lệ nước thu tiền	%	76,0	75,61	77,06	76,10	100,13
5	M ³ nước thu được tiền	m ³	13.535.500	8.825.620	4.541.226	13.366.846	98,75

- Doanh thu:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	NQ ĐH CĐ 2015	TH 2015	Đạt %
	Kinh doanh và dịch vụ nước				
1	Đơn giá bán lẻ bình quân	đồng	10.293	12.061	117,17
2	Xây lắp+ doanh thu tài chính	đồng	1.506.888.754	2.245.353.486	149
3	Doanh thu tiền nước	đồng	139.317.000.000	140.245.741.366	100,67

- Hiệu quả tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	NQ ĐH CĐ 2015	Thực hiện 2015	Đạt %
1	Vốn điều lệ	đồng	55.000.000.000	55.000.000.000	100
2	Doanh thu	đồng	141.291.000.000	142.491.094.851	100,85
2.1	Kinh doanh và dịch vụ nước	đồng	139.317.000.000	140.245.741.366	100,67
2.2	Xây lắp	đồng	1.507.000.000	2.196.848.939	145,78
2.3	Doanh thu tài chính	đồng	467.000.000	48.504.546	10,39
3	Đơn giá bán lẻ bình quân	đồng	10.293	12.061	117,17
4	Tổng chi phí	đồng	132.383.000.000	124.187.918.261	93,81
5	Nộp ngân sách	đồng	12.909.000.000	21.129.774.925	163,68
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.948.000.000	14.276.477.740	205,48
7	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	12,60%	25,95	206,01
8	Lãi cơ bản/l cổ phiếu (EPS)	đồng	1.263	2.595	205,46

1069
CÔNG
CỔ PH.
IẬT KINH
SẮC SA
3 HÀ I
TIỆM - 1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	NQ ĐH CĐ 2015	Thực hiện 2015	Đạt %
9	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	% 1 năm	9	9	100
10	Lao động bình quân	Người	115	112	97,39
11	Thu nhập bình quân/người/tháng	đồng	9.500.000	10.300.000	108,42

2. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2016 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Mục tiêu	ĐVT	KH 2016
1	Sản lượng nước cung cấp	m ³	17.457.282
2	Sản lượng nước thu tiền	m ³	13.476.817
3	Tỷ lệ thu tiền nước	%	77.2

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2016

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
1	Doanh thu và thu nhập khác(không thuế phí)	đồng	162.900.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	16.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.480.000.000
4	Vốn góp chủ sở hữu	đồng	55.000.000.000
5	Nộp NSNN	đồng	25.000.000.000
6	Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	%	11
7	Thu nhập bình quân	đồng	10.600.000

Điều 6: Thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

Điều 7: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015.

Theo kết quả kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2015:

Doanh thu thuần	41.586.554.448 đồng
Lợi nhuận trước thuế	4.583.781.207 đồng
Lợi nhuận sau thuế	3.575.349.341 đồng

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng Giá trị
+ Chia cổ tức (Tỷ lệ cổ tức 9% theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 25/07/2015)	1.650.000.000
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.276.849.341
+ Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	100.000.000
+ Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	548.500.000
Cộng	3.575.349.341

Điều 8: Thông qua Tờ trình chi trả Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

- **Báo cáo chi trả thù lao năm 2015:**

Tổng mức thù lao năm 2015 của HĐQT và BKS đã được ĐHĐCĐ quyết định thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2015 là 252.000.000đ/ 5 tháng.

Tổng số tiền thù lao đã chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2015 là: **138.000.000 đồng**. Cụ thể:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao/ tháng	Tổng số tiền thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	01	4	12.500.000	50.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	4	6.500.000	52.000.000
3	Thành viên BKS	02	4	4.500.000	36.000.000
	Tổng cộng				138.000.000

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu đồng.)

Số còn lại không chi: 114.000.000 đồng.

- **Kế hoạch chi trả thù lao năm 2016:**

Căn cứ theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/5/2013, Hội đồng quản trị đề xuất phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2016 với mức 20%/tháng nhân mức lương cơ bản chức danh của Công ty hạng II quy định tại Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao 1 người/tháng	Tổng thù lao 1 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	01	5.000.000	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	01	4.200.000	4.200.000
3	Thành viên BKS	02	4.200.000	8.400.000
	Tổng cộng			17.600.000

Tổng mức thù lao cả năm là: 17.600.000 x 12 tháng = 211.200.000đ.

(Bằng chữ: Hai trăm mười một triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn)

Điều 9: Thông qua tờ trình về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 10: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn và có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các Cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội một cách hiệu quả.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban GD, Ban kiểm soát;
- Cổ đông Công ty (thông qua các phương tiện công bố thông tin theo quy định);
- Lưu VP HĐQT, VT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TOA - CHỦ TỊCH HĐQT



Trịnh Kim Giang